

Số: 1992 /CTN-MT

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 08 năm 2026

‘V/v mới báo giá dịch vụ Quan trắc
môi trường năm 2027’

Kính gửi: Quý công ty/doanh nghiệp

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh đang có kế hoạch triển khai dịch vụ Quan trắc, phân tích và lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2027 tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh. Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm dịch vụ Quan trắc, phân tích và lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2027 tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Tiếp nhận báo giá theo hình thức:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Môi trường - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, số Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- Nhận qua email: ptn.ctcpnsqn@gmail.com hoặc vuthihai03101985@gmail.com.

- Thông tin người nhận báo giá: Vũ Thị Hải - Phòng Môi trường (sdt: 0986 671 336).

Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày 03/09/2026 đến hết ngày 15/09/2026.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung báo giá.

1. Dịch vụ yêu cầu báo giá.

Thực hiện dịch vụ Quan trắc, phân tích và lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2027 tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh với các nội dung chính sau:

- Lấy mẫu quan trắc nguồn nước thô đầu vào (nước mặt, nước dưới đất), quan trắc nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phát sinh tại các cơ sở sản xuất (nhà máy, khu xử lý) của Công ty trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể:

+ Nguồn nước mặt: Lấy mẫu, kiểm nghiệm chất lượng nước mặt với tối đa 26 chỉ tiêu thông số theo QCVN 08:2023/BTNMT (chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo). Tần suất thực hiện: 06 ÷ 10 lần/năm.

+ Nguồn nước dưới đất: Lấy mẫu, kiểm nghiệm chất lượng nước dưới đất với tối đa 17 chỉ tiêu thông số theo QCVN 09:2023/BTNMT (chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo). Tần suất thực hiện 04 lần/năm (03 tháng lấy 01 lần).

+ Nước thải sinh hoạt: Lấy mẫu, kiểm nghiệm chất lượng nước thải sinh hoạt với tối đa 12 thông số theo QCVN 14:2025/BTNMT (*chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo*). Tần suất thực hiện 02 lần/năm.

+ Nước thải công nghiệp: Lấy mẫu, kiểm nghiệm chất lượng nước thải công nghiệp với tối đa 13 thông số theo QCVN 40:2025/BTNMT (*chi tiết tại phụ lục 4 kèm theo*). Tần suất thực hiện 01÷ 02 lần/năm.

- Lập Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh năm 2027 theo quy định.

- Thời gian thực hiện: năm 2027.

- Báo giá cụ thể: bao gồm toàn bộ chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu, lập báo cáo quan trắc, chi phí đi lại, di chuyển, mức thuế VAT.

- Địa điểm: Thực hiện lấy mẫu quan trắc, phân tích tại các NMN, KXL của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Thành phần hồ sơ báo giá:

Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu, đóng dấu giáp lai trong trường hợp báo giá có nhiều trang.

Yêu cầu quý Công ty/doanh nghiệp cung cấp báo giá dịch vụ theo các yêu cầu trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, MT (Hải).



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thế Đức

Phụ lục 1: Chi tiết các chỉ tiêu thông số quan trắc nước mặt đối với từng nguồn tại các nhà máy

Phụ lục 1: chi tiết các chỉ tiêu thông số quan trắc nước mặt			
TT	Thông số	Đơn vị	Ghi chú
1	pH		
2	BOD ₅	mg/l	
3	COD	mg/l	
4	DO	mg/l	
5	Tổng hàm lượng cặn lơ lửng TSS	mg/l	
6	TOC	mg/l	
7	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	
8	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/l	
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	
10	Cl ⁻	mg/l	
11	Photphat	mg/l	
12	Tổng Phospho	mg/l	
13	Tổng nito	mg/l	
14	Chlorophyll a	mg/l	
15	Flouride	mg/l	
16	Chromi	mg/l	
17	Sắt (Fe)	mg/l	
18	Mangan (Mn)	mg/l	
19	Asen (As)	mg/l	
20	Cadimi (Cd)	mg/l	
21	Chì (Pb)	mg/l	
22	Thủy ngân (Hg)	mg/l	
23	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	
24	Tổng dầu mỡ	mg/l	
25	Coliform chịu nhiệt	vi khuẩn/ 100ml	
26	Tổng Colifom	vi khuẩn/ 100ml	

Phụ lục 2: Chi tiết các chỉ tiêu thông số quan trắc nước dưới đất

PHỤ LỤC 02: CÁC CHỈ TIÊU QUAN TRẮC NƯỚC DƯỚI ĐẤT			
TT	Thông số	Đơn vị	Ghi chú
1	Độ pH	-	
2	Permanganat	mg/l	
3	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	
4	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/l	
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	
6	Độ cứng	mg/l	
7	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	
8	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	
9	Florua (F ⁻)	mg/l	
10	Sulfat	mg/l	
11	Sắt (Fe)	mg/l	
12	Mangan (Mn)	mg/l	
13	Thủy ngân (Hg)	mg/l	
14	Asen (As)	mg/l	
15	Chì (Pb)	mg/l	
16	Cadimi (Cd)	mg/l	
17	Tổng Coliform	vi khuẩn/ 100ml	

Phụ lục 3: Chi tiết các chỉ tiêu thông số quan trắc nước thải sinh hoạt

PHỤ LỤC 03: CÁC CHỈ TIÊU QUAN TRẮC NƯỚC THẢI SINH HOẠT			
TT	Thông số	Đơn vị	Ghi chú
1	pH	-	
2	BOD ₅	mg/l	
3	COD	mg/l	
4	TSS	mg/l	
5	Amoni	mg/l	
6	T-N	mg/l	
7	T-P	mg/l	
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	
9	Sunfua	mg/l	
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	
12	Clo dư ^(*)	mg/l	

Phụ lục 4: Chi tiết các chỉ tiêu thông số quan trắc nước thải công nghiệp

PHỤ LỤC 04: CÁC CHỈ TIÊU QUAN TRẮC NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP			
TT	Thông số	Đơn vị	Ghi chú
1	BOD ₅	mg/l	
2	Mn	mg/l	
3	Fe	mg/l	
4	Clo dư	mg/l	
5	COD	mg/l	
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	
7	Thủy ngân (Hg)	mg/l	
8	Chì (Pb)	mg/l	
9	Arsenic (As)	mg/l	
10	Cadimi (Cd)	mg/l	
11	pH		
12	Độ màu	mg/l	
13	Tổng Coliform	mg/l	

BẢNG TỔNG HỢP CÁC VỊ TRÍ QUAN TRẮC NĂM 2027

STT	Nhà máy/KXL	Nước mặt	Nước dưới đất	Nước thải SH	Nước thải CN
I	Xí nghiệp nước Đông Triều				
1	Nhà máy nước Miếu Hương - Sông Trung Lương	X			
II	Xí nghiệp nước Uông Bí				
1	Các giếng Vàng Danh				
1.1	LK 462		X		
1.2	LK462A		X		
III	Xí nghiệp nước Bãi Cháy				
1	Nhà máy nước Yên Lập	X			
2	Nhà máy nước Đồng Ho	X		X	X
IV	Xí nghiệp nước Hồng Gai				
2	Nhà máy nước Hoành Bồ	X			X
V	NMN Diễn Vọng				
1	Nhà máy nước Diễn Vọng	X		X	X
VI	Xí nghiệp nước Cẩm Phả				
1	Giếng bơm 274		X		
2	Giếng bơm 275		X		
3	Giếng bơm 15		X		
4	Giếng bơm 259		X		
5	Giếng bơm 101		X		
VII	Xí nghiệp nước Vân Đồn				
1	Nhà máy nước Đông Xá		X		
2	Nhà máy nước Cái Rồng		X		
3	Nhà máy nước Vạn Long	X			
4	Nhà máy nước Khe Mai				X
VIII	Xí nghiệp nước Miền Đông				
1	Nhà máy nước Tiên Yên	X			X
2	Nhà máy nước Đàm Hà	X			X
3	Nhà máy nước Ba Chẽ	X			X
IX	Xí nghiệp nước Móng Cái				
1	Nhà máy nước Kim Tinh	X			X
2	Nhà máy nước Vạn Gia	X			
3	Nhà máy nước Đoan Tĩnh	X			X
4	Nhà máy nước Hải Hà	X			
TỔNG		13	9	2	9

Ghi chú: Giá đã bao gồm toàn bộ các thuế phí và chi phí để thực hiện gói thầu (chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu và báo cáo tổng hợp...)